

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 22-01-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Lê Vũ Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 TĐT, thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2020/TLPT-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 24/2020/HNGĐ-ST ngày 04/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1985; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Số 256A đường M, phường TNP A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15/56 đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 902, tòa nhà CT1, Khu A khu đô thị mới A (Chung cư A), phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Hoàng A sau thời gian tìm hiểu được khoảng hơn 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở

tự nguyện; được sự cho phép của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh T, chị A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 03/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh ruột của chị A tại địa chỉ 1026/16 đường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó do kinh tế không ổn định, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2016, chị A đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại địa chỉ 15/56 đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để ở. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh T gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Hoàng A.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải phía bị đơn chị Nguyễn Hoàng A trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đình T có thời gian tìm hiểu nhau và quen biết nhau được khoảng hơn 05 năm thì đi đến kết hôn; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 03/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà của anh ruột chị tại địa chỉ 1026/16 đường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 04 năm. Đến năm 2016, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh ruột của chị bán nhà tại địa chỉ nêu trên, còn anh Nguyễn Đình T không chịu đi làm kiếm tiền để chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên từ tháng 5/2016 chị đã đưa con về chung sống với mẹ ruột chị tại địa chỉ số 15/56 đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ đó, vợ chồng mỗi người sống một nơi, thỉnh thoảng anh T có ra Huế để thăm con. Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý ly hôn với lý do chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác.

- Về con chung:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Quá trình chung sống, anh T và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012, hiện nay cháu Tr đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu Tr cho chị A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Tr trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Tr mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Bị đơn chị Nguyễn Hoàng A trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012, hiện nay cháu Tr đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Tr mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi và chị yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng tiền nuôi con một lần.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T chị A đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đình T, cho anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Nguyễn Hoàng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012, mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Bảo Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Hoàng A không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Do bị đơn chị Nguyễn Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và việc tổng đạt trực tiếp bản án sơ thẩm không thực hiện được, nên ngày 17/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 29 tháng 9 năm 2020, chị Nguyễn Hoàng A có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không yêu cầu anh Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Hoàng A được làm trong thời hạn luật định và chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bị đơn chị Nguyễn Hoàng A kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không yêu cầu anh Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét kháng cáo của chị A về nội dung này trong Bản án sơ thẩm số: 24/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, thể hiện chị Nguyễn Hoàng A yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Bảo Tr , sinh ngày 07/4/2012 mỗi tháng 3.000.000 đồng và yêu cầu cấp dưỡng một lần. Trong khi anh T làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng nhưng anh T vẫn cam kết cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đồng/1 tháng; nên cấp sơ thẩm đã căn cứ sự tự nguyện này để buộc anh Nguyễn Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bảo Tr mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho con chung, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, lời khai của đương sự ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Hoàng A có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không rút kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của chị Nguyễn Hoàng A:

Chị Nguyễn Hoàng A kháng cáo không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không yêu cầu anh Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố H chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn; về con chung xử giao cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Nguyễn Hoàng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012, mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Bảo Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T tiếp tục yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh được tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi; phía chị A không đồng ý, nhưng xét thấy đây là quyền lợi của con chưa đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của anh T là phù hợp theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc anh Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo Tr mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng và sự tự nguyện của anh Nguyễn Đình T trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, không trái đạo đức xã hội. Việc cấp dưỡng tự nguyện hàng tháng của anh Nguyễn Đình T không chỉ là trách nhiệm của anh Nguyễn Đình T đối với con chung mà còn là quyền, nghĩa vụ của anh T đối với con chưa thành niên. Việc chị A yêu cầu Tòa án buộc anh T không phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên là ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu Nguyễn Bảo Tr theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của chị A, nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Hoàng A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Hoàng A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/HNGĐ-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/4/2012 cho chị Nguyễn Hoàng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Bảo Tr mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Bảo Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00004823 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND thành phố H ;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú